

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2023
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Trọng Nghĩa,
- Bà Trần Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số: 71/2023/TB-TA ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị K, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Bản L, xã NS, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vì Văn V, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn Bản L, xã NS, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt - không có lý do.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Lương Thị K: Bà Phan Thị Kim Thủy - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lương Thị K trong đơn khởi kiện và bản tự khai trình bày: Chị và anh Vì Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 8 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã NS, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Thôn Bản L, xã NS, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn chị K và anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V uống rượu say và đánh chị K nhiều lần. Từ đầu năm 2021, chị K đã phải chuyển đến nhà chị gái ở cùng thôn sinh sống đến nay, vợ chồng không còn

quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh V.

- Về con chung: Chị K và anh V có 04 con chung là cháu Vì Thị T, sinh ngày xx/4/20yy; cháu Vì Thị X, sinh ngày dd/mm/20yy; cháu Vì Thị Q, sinh ngày xx/mm/20yy; cháu Vì Ngọc H, sinh ngày xx/8/20yy. Ly hôn chị K có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Vì Thị T và Vì Thị Q, để anh Vì Văn V trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Vì Thị X và Vì Ngọc H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vì Văn V trong bản tự khai trình bày: Anh và chị Lương Thị K tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã NS, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 11-8-2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn Bản L, xã NS, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị K đã có quan hệ với người đàn ông khác, anh V đã khuyên bảo chị K nhiều lần nhưng chị K không thay đổi. Anh V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Nay chị Lương Thị K làm đơn xin ly hôn anh V không đồng ý, anh V muốn vợ chồng trở về đoàn tụ.

Về con chung: Anh Vì Văn V thống nhất có 4 con chung là cháu Vì Thị T, sinh ngày xx/4/20yy; cháu Vì Thị X, sinh ngày dd/mm/20yy; cháu Vì Thị Q, sinh ngày xx/mm/20yy; cháu Vì Ngọc H, sinh ngày xx/8/20yy. Nếu ly hôn Anh V có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 09/5/2023 trường Thôn Bản L, xã NS cho biết: Anh Vì Văn V và chị Lương Thị K có đăng ký kết hôn năm 2008. Sau khi kết hôn thì anh Vì Văn V và chị Lương Thị K chung sống tại Thôn Bản L, xã NS, huyện V, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình chung sống chị K và anh V có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V uống rượu say xỉn suốt ngày và nhiều lần đánh chị K, từ đó chị K đã bỏ đi làm ăn xa từ năm 2021 đến nay không quan tâm gì tới anh V nữa. Về con chung thì anh V và chị K có 04 con chung là cháu Vì Thị T, sinh ngày xx/4/20yy; cháu Vì Thị X, sinh ngày dd/mm/20yy; cháu Vì Thị Q, sinh ngày xx/mm/20yy; cháu Vì Ngọc H, sinh ngày xx/8/20yy. Hiện tại cháu Xuyên và cháu Hân đang ở cùng anh V.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn được Tòa án tổng đạt các văn bản và triệu tập công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Lường Thị K với anh Vì Văn V.

+ Về con chung: Giao cháu Vì Thị T, sinh ngày xx/4/20yy và cháu Vì Thị Q, sinh ngày xx/mm/20yy cho chị Lường Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu cháu Vì Thị X, sinh ngày dd/mm/20yy; cháu Vì Ngọc H, sinh ngày xx/8/20yy cho anh Vì Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lường Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lường Thị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Nhất trí với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Lường Thị K được ly hôn anh Vì Văn V.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Vì Thị T, sinh ngày xx/4/20yy và cháu Vì Thị Q, sinh ngày xx/mm/20yy cho chị Lường Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu cháu Vì Thị X, sinh ngày dd/mm/20yy; cháu Vì Ngọc H, sinh ngày xx/8/20yy cho anh Vì Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự thỏa thuận tự chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lường Thị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Vì Văn V có đăng ký hộ khẩu tại Thôn Bản L, xã NS, huyện V, tỉnh Yên Bái, vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh Vì Văn V vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị

Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Lương Thị K vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Lương Thị K và anh Vì Văn V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị K và anh Vì Văn V kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NS, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị Lương Thị K và anh Vì Văn V phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V uống rượu nhiều lần đánh chị K, từ đó chị K đã bỏ đi làm ăn xa, từ năm 2021 đến nay vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa. Anh V cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị K đã có quan hệ với người đàn ông khác, anh V đã khuyên bảo chị K nhiều lần nhưng chị K không thay đổi. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương xác định trong quá trình chung sống chị K và anh V có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V uống rượu say suốt ngày và đánh chị K, dẫn đến chị K không chịu được phải bỏ đi làm ăn xa từ năm 2021 đến nay không về thăm nhà, hiện chị K đã có người đàn ông khác và không quan tâm gì tới anh V nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị Lương Thị K và anh Vì Văn V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị K phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Lương Thị K và anh Vì Văn V có 04 con chung là cháu Vì Thị T, sinh ngày xx/4/20yy; cháu Vì Thị X, sinh ngày dd/mm/20yy; cháu Vì Thị Q, sinh ngày xx/mm/20yy; cháu Vì Ngọc H, sinh ngày xx/8/20yy. Chị Lương Thị K có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuệ và cháu Quyền, để anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Xuyên và cháu Hân, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Vì Văn V có nguyện vọng nuôi 04 con chung và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu Xuyên và cháu Hân đang ở cùng anh V, hai cháu có nguyện vọng ở với bố; còn cháu Tuệ có nguyện vọng ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng nuôi con của chị K và anh V là chính đáng, tuy nhiên để đảm bảo quyền và nghĩa vụ hợp pháp cho người phụ nữ và chăm sóc con chưa thành niên khi ly hôn thì việc giao cho chị Lương Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vì Thị T và cháu Vì Thị Q; anh Vì Văn V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vì Thị X và cháu Vì Ngọc H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị Lương Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lương Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị K được ly hôn anh Vì Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Vì Thị T, sinh ngày xx/4/20yy và cháu Vì Thị Q, sinh ngày xx/mm/20yy cho chị Lường Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu cháu Vì Thị X, sinh ngày dd/mm/20yy; cháu Vì Ngọc H, sinh ngày xx/8/20yy cho anh Vì Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lường Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003636 ngày 29/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái, chị Lường Thị K đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lường Thị K và anh Vì Văn V được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã NS;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Long